TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN Đ1** TỈNH KIÊN G	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2019/DS-ST Ngày: 28 - 6 - 2019 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Kim Thu

2. Bà Mai Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đ1 tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D**.

Địa chỉ trụ sở: Số 28C-28D, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn K, thành phố Hà N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D1. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1977. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D chi nhánh Kiên G (Theo văn bản ủy quyền số 37/2019/QĐUQ-CTHĐQT ngày 02/5/2019).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1963. Chức vụ: chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D. Địa chỉ liên hệ: Số 56 Trần Phú, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch G1, tỉnh Kiên G (Theo văn bản ủy quyền số 136/2018/UQ-NCB ngày 21/8/2018, có mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 (vắng mặt);

- Bà Mã Thị Cẩm Đ, sinh năm 1966 (vợ ông H, vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Nguyễn Văn Hanh, xã Mỹ T1, huyện Hòn Đ1, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 8 năm 2018, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 25/6/2012, vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Mã Thị Cẩm Đ đã ký kết hợp đồng tín dụng số 391/12/HĐTD/102-52 ngày 22/6/2012 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Việt chi nhánh Kiên G, nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D chi nhánh Kiên G (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay để sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 25/6/2012 đến ngày 25/6/2013; phương thức trả lãi 06 tháng/lần, kỳ đầu trả lãi vào ngày 22/12/2012, kỳ sau trả lãi vào ngày 25/6/2013, nợ gốc trả vào cuối kỳ; lãi suất thỏa thuận trong hạn 19,70%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn; lãi phạt chậm trả lãi 0,1%/ngày.

Để đảm bảo thanh toán khoản vay trên, ông H và bà Đ đã ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng Đ1 số 391/2012/HĐTC-BĐS/102-52 ngày 22/6/2012, thế chấp tài sản là quyền sử dụng Đ1 diện tích 11.490m^2, thuộc tờ bản đồ số 4, thửa số 39, tọa lạc tại ấp Nguyễn Văn Hanh, xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đ1, tỉnh Kiên G, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng Đ1 số AB 407453, vào sổ cấp giấy số H00115/1763/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đ1 cấp ngày 02/6/2005.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân toàn bộ số tiền trên cho ông H, bà Đ, đồng thời ông bà cũng ký khế ước nhận nợ với Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 18/7/2018, ông H, bà Đ mới trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 15.021.250 đồng, còn nợ lại số tiền gốc và lãi là 453.540.408 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc ông H, bà Đ trả nợ nhưng ông bà vẫn không thanh toán, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà Đ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 453.540.408 đồng. Nếu ông H, bà Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ.

Ngày 24/5/2019, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông H, bà Đ phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 60.819.112 đồng, chỉ yêu cầu trả số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 18/7/2018 là 242.721.296 đồng, cộng tiền gốc và lãi phải trả là 392.721.296 đồng (ba trăm chín mươi hai triệu bảy trăm hai mươi mốt ngàn hai trăm chín mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Mã Thị Cẩm Đ đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông H, bà Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc 150.000.000 đồng

và tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 28/6/2019) là 285.199.421 đồng, cộng tiền gốc và lãi là 435.199.421 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu một trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm hai mươi mốt đồng).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên - đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, vụ án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, do đó cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D buộc vợ chồng ông H, bà Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 435.199.421 đồng. Trường hợp ông H, bà Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông H, bà Đ phải trả số tiền lãi phạt chậm trả lãi là 60.819.112 đồng.

- Về án phí: Ông H, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Mã Thị Cẩm Đ yêu cầu trả số tiền gốc và lãi vay Ngân hàng, ông H và bà Đ có nơi cư trú tại ấp Nguyễn Văn Hanh, xã Mỹ T1, huyện Hòn Đ1, tỉnh Kiên G, nên căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự tranh chấp phát sinh giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ1.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời thông báo tìm kiếm ông H, bà Đ trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông H, bà Đ vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà Đ.

[2] Xét hợp đồng tín dụng số 391/12/HĐTD/102-52 được ký kết ngày 22/6/2012 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D chi nhánh Kiên G với vợ chồng ông H, bà Đ là hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn trả nợ, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 468 Bộ luật Dân sự, xét thấy hợp đồng tín dụng là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái đạo

đức và không trái với quy định của pháp luật, do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông H, bà Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 435.199.421 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho ông H, bà Đ số tiền 150.000.000 đồng, ông H, bà Đ đã nhận đủ tiền và ký khế ước nhận nợ ngày 25/6/2012 với Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà Đ mới trả cho Ngân hàng số tiền lãi 15.021.250 đồng, còn nợ lại số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 28/6/2019) là 285.199.421 đồng. Xét thấy khi đến hạn trả nợ, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ không thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận hai bên ký kết trong hợp đồng, do đó căn cứ vào các quy định tại Điều 91, điểm a, khoản 3, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng và các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông H, bà Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 435.199.421 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu một trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm hai mươi mốt đồng).

[4] Về tài sản thế chấp, theo hợp đồng tín dụng số 391/12/HĐTD/102-52 và hợp đồng thế chấp số 391/2012/HĐTC-BĐS/102-52 ngày 22/6/2012, ông H, bà Đ thỏa thuận thế chấp tài sản là quyền sử dụng Đ1 diện tích 11.490m^2, thuộc tờ bản đồ số 4, thửa số 39, tọa lạc tại ấp Nguyễn Văn Hanh, xã Mỹ T1, huyện Hòn Đ1, tỉnh Kiên G được Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng Đ1 số AB 407453, vào sổ cấp giấy số H00115/1763/QĐ-UB ngày 02/6/2005 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, xét thấy sự thỏa thuận của các bên trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 317, khoản 6, Điều 320 và khoản 7, Điều 323 của Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực thi hành. Do đó trường hợp ông H, bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng (không trả hoặc trả không đầy đủ) thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông H, bà Đ phải trả số tiền lãi là 60.819.112 đồng, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tự nguyện nên căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự xét nên đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông H, bà Đ phải trả số tiền lãi phạt chậm trả lãi là 60.819.112 đồng (sáu mươi triệu tám trăm mười chín ngàn một trăm mười hai đồng).

[6] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Về lệ phí đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú, Ngân hàng có yêu cầu thông báo và đã nộp xong khoản lệ phí thông báo là 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về án phí, do yêu cầu đòi tiền gốc và lãi của Ngân hàng được chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông H, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 463, 468, 317, 320 và 323 Bộ luật Dân sự; Điều 147 và 688 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D về việc buộc ông Nguyễn Văn H và bà Mã Thị Cẩm Đ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D chi nhánh Kiên G số tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 285.199.421 đồng, cộng tiền gốc và lãi phải trả là 435.199.421 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu một trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm hai mươi mốt đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H, bà Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông H, bà Đ vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông H, bà Đ trả hết số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D chi nhánh Kiên G phải có trách nhiệm trả lại cho ông H, bà Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng Đ1 số AB 407453, vào sổ cấp giấy số H00115/1763/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đ1 cấp ngày 02/6/2005 đứng tên ông Nguyễn Văn H ngay sau khi các bên tất toán toàn bộ nợ vay của hợp đồng tín dụng số 391/12/HĐTD/102-52 ngày 22/6/2012.

Trường hợp ông H, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D (không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ) thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng Đ1 diện tích 11.490m^2, thuộc tờ bản đồ số 4, thửa số 39, tọa lạc tại ấp Nguyễn Văn Hanh, xã Mỹ T1, huyện Hòn Đ1, tỉnh Kiên G được Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng Đ1 số AB 407453, vào sổ cấp giấy số H00115/1763/QĐ-UB ngày 02/6/2005 đứng

tên ông Nguyễn Văn H.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D về việc buộc ông Nguyễn Văn H và bà Mã Thị Cẩm Đ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D chi nhánh Kiên G số tiền lãi phạt chậm trả lãi là 60.819.112 đồng (sáu mươi triệu tám trăm mười chín ngàn một trăm mười hai đồng).

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Mã Thị Cẩm Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.408.000 đồng (hai mươi mốt triệu bốn trăm lẻ tám ngàn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc D chi nhánh Kiên G số tiền 11.300.000 đồng (mười một triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009094 ngày 19/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đ1, tỉnh Kiên G.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Mã Thị Cẩm Đ vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hòn Đ1;
- CCTHADS huyện Hòn Đ1;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Kim Thu **Mai Thị Lý** **Nguyễn Thị Tuyết Mai**